

Bản án số: **09/2023/DS-ST**
Ngày: 07/02/2023
V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú, là Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về Kiện đòi tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-DS ngày 10/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Huy C; địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ. Người đại diện theo ủy quyền của ông C là: Bà Lê Thị Diệu; địa chỉ: Số nhà 03, tổ dân phố 06, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ, theo Giấy ủy quyền và lời chứng của công chứng viên ngày 22/6/2022 (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ (Có mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Trần Trọng T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do);

- Chị Nguyễn Thị K O, sinh 1998; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do).

- Bà Vũ Thị H; Nơi đăng ký NKTT: Tổ dân phố 10, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: Đội 7, thôn H Y, huyện B, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của Nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đăng T là bố vợ của Trần Huy C, vào ngày 28/5/2018, ông Nguyễn Đăng T có hỏi ông C vay tiền. Ông T nói ông C cần vay 200.000.000 đồng để xử lý việc riêng của ông T và dặn ông C là đừng nói với ai trong gia đình, kể cả mẹ vợ của ông C. Vì nghĩ ông T là bố sinh ra vợ mình, và phải có việc ông T mới cho vay tiền. Vì vậy, ông C đã lấy số tiền mà bạn ông C chuyển cho ông C để cùng làm ăn chuyển cho ông T vay. Là bố con nên ông C và ông T không có bất kỳ giấy tờ vay mượn nào; Ông C và ông T thỏa thuận bằng miệng số tiền vay là 200.000.000 đồng và ông C có nói với ông T là "tiền này mấy anh em tính làm ăn nên bố phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng"; ông T đồng ý. Thời điểm đấy bố mẹ vợ ông C đang mâu thuẫn, mẹ vợ ông C, bà H đã bỏ về xã Thanh Yên, huyện Điện Biên để sinh sống, ông T dặn không nói với mẹ vợ và bà cũng ở xa ít khi gặp nên ông C không nói cho mẹ vợ ông C biết. Sau khi thỏa thuận việc vay, trả lãi xong; Ông C đã ra Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, Chi nhánh thành phố Điện Biên phủ, phòng giao dịch Thanh Bình chuyển vào tài khoản do ông T cung cấp là 102000644936, tên chủ tài khoản là Nguyễn Đăng T, mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên số tiền 200.000.000 đồng.

Sau khi chuyển tiền cho ông T vay đã đến hạn, nhiều lần ông C đề nghị ông T trả nhưng ông T không thanh toán nợ. Gần đây, ông T và bà H ly hôn, số tiền chuyển cho ông T vay là tiền của bạn bè cùng làm ăn; ông C yêu cầu ông T thanh toán cả gốc và lãi nhưng ông T không thanh toán còn thể hiện thái độ thách thức, chây ỳ. Vậy, ông C làm đơn khởi kiện này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên phủ giải quyết: Ông C yêu cầu ông Nguyễn Đăng T phải trả số nợ gốc 200.000.000 đồng và số tiền lãi suất tiền vay là 10%/năm tính từ thời điểm vay, ngày 28/5/2018 đến tháng 6/2022 là 04 năm x 19.920.000/năm (lãi suất 01 năm) = 79.680.000 đồng. Đến ngày 19/10/2022 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi là 79.680.000 đồng.

2. Tại văn bản trả lời, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Đăng T trình bày như sau:

Tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh C khởi kiện tôi ra Tòa. Vì số tiền 200.000.000 đồng này là không phải tôi vay anh C. Vào năm 2015 anh C đang yêu con gái tôi, lúc đó anh C có hỏi mua xe ô tô của tôi là xe mang biển 27A - 01858 KIAMONIN mang tên Nguyễn Đăng T để chạy xe taxi, tôi cũng tin tưởng anh C nên tôi đã đồng ý, bán xe cho anh C, tôi nghĩ anh C sắp lấy con gái tôi nên tôi chưa lấy tiền ngay; tôi lấy xe ô tô để anh C đi chạy taxi trước, đến khi anh C cưới con gái tôi đến ngày 28/5/2018 anh C mới chuyển tiền 200.000.000 đồng trả tiền mua xe cho tôi. Tôi công nhận anh Trần Huy C có chuyển vào số tài khoản của tôi là 200.000.000 đồng, đây là tiền mua xe chứ không phải tôi vay anh C số tiền trên. Tôi đã đọc nội dung khởi kiện của anh Trần Huy C có nhiều nội dung không đúng sự thật mang tính chất vu khống sai sự thật. Tôi mang Tòa án xem xét vì ô tô của tôi cũng là tài sản nếu không thỏa thuận đúng tôi đề nghị thu hồi lại chiếc xe của tôi.

Việc theo tôi C chuyển tiền cho tôi là để trả xe ô tô Giấy chuyển tiền cũng không thỏa thuận gì liên quan đến tiền vay và tiền lãi. Từ khi C chuyển tiền cho tôi, tôi và C chưa thanh toán gì với nhau cho đến nay thời điểm Trần Huy C kiện tôi, nội dung trình bày trong đơn chưa đúng việc phủ nhận là không mua ô tô của tôi là không đúng nhưng người làm chứng việc Trần Huy C có mua xe và sử dụng chiếc xe của tôi, đến khi bán tài sản là chiếc xe ô tô của tôi. Tôi cũng là người không được ký hợp đồng mua bán.

3. Người làm chứng có văn bản trả lời như sau:

- Ngày 13/8/2022 ông Trần Trọng T có văn bản gửi Tòa án: Ông T là lái xe Taxi 969696 (Công ty cổ phần Taxi và du lịch tỉnh Điện Biên) từ năm 2013 đến năm 2017 thì Công ty giải thể. Trong năm 2015 ông T được biết anh Trần Huy C có chạy xe Taxi cùng Công ty ông, anh C chạy xe có Biển kiểm soát 27A- 01858 loại xe KIA Morning màu xanh da trời. Về nguồn gốc chiếc xe và tiền mua bán xe ông T không biết. Đối với khoản tiền anh C chuyển cho ông T vay như thế nào ông T không biết và chứng kiến.

- Ngày 11/12/20122 chị Nguyễn Thị K O có văn bản gửi Tòa án: Trong quá trình tòa án nhân dân thành phố Điện Biên phủ giải quyết vụ việc tranh chấp vay nợ giữa chồng tôi Trần Huy C; SN: 20/6/1991 với bố tôi, ông Nguyễn Đăng T; tôi có cung cấp bản chụp tin nhắn giữa tôi với bố tôi liên quan đến khoản nợ ông T vay của anh C. Về việc này, tôi xin trình bày như sau: Về số tiền anh C cho bố tôi vay không liên quan đến tôi và tôi cũng không biết; đó là tiền riêng của anh C. Năm 2018, tôi thấy anh C có làm ăn với bạn bè; tiền bạc vẫn thấy chồng tôi chuyển đi, nhận lại trong quá trình làm ăn. Bản thân tôi, sinh con, nuôi con nhỏ nên không tham dự vào việc làm ăn của chồng nên tiền bạc như thế nào tôi không biết cụ thể. Khoảng năm 2021, thấy chồng tôi là Trần Huy C nói cho bố tôi là ông Nguyễn Đăng T vay 200 triệu mà đòi mãi không được, tiền thì lấy của anh em bạn bè cho vay, giờ người ta hỏi không có trả. Tôi thấy anh Cương cũng phải xoay xở tiền để trả cho bạn bè. Bản thân tôi là người đứng giữa, một bên là bố, một bên là chồng mình; sợ rằng vì nợ nần mà mâu thuẫn, tranh chấp nhau. Vì vậy, tôi đã nhiều lần nhắn tin hỏi bố về số tiền 200 triệu bố tôi vay của anh C; cũng chỉ mong bố tôi thu xếp trả để không làm khó cho tôi và không mất tình cảm gia đình. Thế nhưng, đến nay bố tôi vẫn không trả cho anh C và buộc phải khởi kiện lên tòa án nhân dân thành phố để đề nghị tòa giải quyết. Đối với việc vay vợ và cho vay 200.000.000 đồng giữa anh C và ông T tôi không biết, không liên quan; chỉ có tin nhắn giúp chồng tôi hỏi về số nợ mà tôi đã nộp cho tòa án. Vì vậy, tôi xin trình bày rõ về việc liên quan đến tin nhắn cũng như quan điểm của tôi đối với số tiền 200.000.000 đồng mà anh C cho ông T vay là tiền riêng của anh C.

- Ngày 03/02/2023 bà Vũ Thị H có văn bản gửi Tòa án: Theo nội dung vụ việc cho thấy, ngày 25/8/2018 con rể tôi là Trần Huy C có cho chồng tôi là ông Nguyễn Đăng T vay số tiền 200.000.000đồng qua hình thức là chuyển khoản, sau đó ông T đã trình bày với Tòa án rằng số tiền chuyển khoản trên là tiền con rể tôi (Trần Huy C) trả tiền mua xe ô tô của ông T. Về việc vay mượn tiền hoặc trao đổi mua bán ô tô giữa ông T và cháu C tôi không được biết vì trước thời điểm xảy ra sự việc trên cho đến nay tôi và ông T đã sống ly thân nên không sống cùng nhau, nếu có việc ông T vay tiền con rể tôi thì cũng không phải vay để chi tiêu cho gia

đình vì từ khi ly thân (trước thời điểm vay tiền) tôi và ông T không có mối liên quan, trao đổi gì về việc vay mượn hay tiền nong khác và tại thời điểm đó đến nay không ai nói với tôi về việc này; vì vậy tôi khẳng định tôi không biết và không liên quan gì đến số tiền trên và việc trao đổi, mua bán chiếc xe ô tô mà ông T đã trình bày với Tòa án. Chỉ khi tôi nhận được thông báo của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tôi mới biết có sự việc này xảy ra. Như vậy, tôi không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà là người làm chứng trong vụ án này. Vì vậy, tôi làm Văn bản trả lời này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của tôi.

Ngày 08/7/2022 bà H có gửi Tòa án đơn trình bày và đề nghị xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên, huyện Điện Biên về việc bà H đã ly thân ông T và đưa con về đội 7, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên ở từ tháng 01/2018 cho năm 2020, 2021 mới giải quyết ly hôn.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với việc Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" xét thấy, có việc chuyển tiền từ ông C cho ông T qua tài khoản ngân hàng, ông T có thừa nhận có nhận số tiền đó của ông C, nhưng không thừa nhận đó là tiền ông T vay của ông C, hai bên không lập hợp đồng cũng như không yêu cầu tính lãi, nên đề nghị HĐXX thay đổi quan hệ tranh chấp thành "Kiện đòi tài sản"

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280 Bộ luật Dân sự;

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi 79.680.000 đồng;
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huy C về số tiền nợ gốc, buộc ông Nguyễn Đăng T phải trả cho anh Trần Huy C 200.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông T phải chịu án phí DSST có giá ngạch 10.000.000đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 30/6/2022, ông C nộp đơn khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với ông Nguyễn Đăng T có địa chỉ tại: Tổ dân phố 10, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ. Ngày 22/6/2022 ông C đã có Giấy ủy quyền và lời chứng của công chứng viên cho bà Lê Thị Diệu, đến ngày 04/7/2022 đã nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây gọi tắt là BLTTDS).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ban đầu ông C cho rằng giữa ông T và ông C có thỏa thuận bằng miệng việc vay tiền và thời điểm thanh toán và tiền lãi với số tiền 200.000.000đồng nên khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản”. Tuy nhiên đến ngày xét xử đại diện của nguyên đơn trình bày mục đích là ông T và ông C không thiết lập Hợp đồng dân sự vay tài sản mà đến nay ông C kiện đòi số tiền đã chuyển vào tài khoản cho ông T, không yêu cầu tính lãi. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của anh Trần Huy C đối với ông Nguyễn Đăng T có địa chỉ tại: Tổ dân phố 10, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn Kiện đòi tài sản là tiền. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh C đảm bảo.

[1.4] Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177 BLTTDS. Cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Người làm chứng do ông Trần Đăng T đề nghị mời. Ông Trần Trọng T đã có bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng do Tòa án triệu tập có chị Trần Thị K O. Chị Trần Thị K O đã có bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đối với bà Vũ Thị H do Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu Tòa án triệu tập bà H làm rõ các nội dung có hay không liên quan đến việc ông C và ông T. Sau khi HĐXX xem xét các chứng liên quan đến việc khởi kiện của ông C và lời khai của ông T, chị Oanh, bà H không có cơ sở xác định bà H có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc vay tiền của ông T, bà H cũng không biết việc vay mượn tiền trên.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, đối chiếu với hồ sơ gốc tại phiên tòa:

[2.1] Đối với yêu cầu của ông C: Có đủ căn cứ để xác định vào ngày 28/5/2018 anh Trần Huy C đã chuyển cho ông Nguyễn Đăng T số tiền 200.000.000 đồng (Lệnh

thanh toán ngày 28/5/2018 tại Agrbank, Chi nhánh thành phố Điện Biên phủ, phòng giao dịch Thanh Bình chuyển vào tài khoản do ông T cung cấp là 102000644936, tên chủ tài khoản là Nguyễn Đăng T, đăng ký tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên số tiền 200.000.000đồng. Tại biên bản H giải và đối chất ngày 10/8/2022 và tại phiên tòa ông Nguyễn Đăng T cung đã công nhận anh C có chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản cho ông T và ông T đã sử dụng khoản tiền trên.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”.

Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Quá trình thực hiện việc vay tiền trên đã vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong việc vay tiền, đã nhiều lần anh C đã đến trực tiếp và gọi điện, nhắn tin và vợ anh C là chị Oanh (con gái ông T) cũng đã nhiều lần nhắn tin yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như Lệnh thanh toán ngày 28/5/201, tuy nhiên ông T vẫn không thực hiện đến nay anh C yêu cầu ông T phải trả số tiền anh C đã chuyển cho ông T vay là 200.000.000 đồng là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc Kiện đòi tài sản đối với số tiền 200.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu trả nợ lãi của anh C: Trong nội dung đơn khởi kiện ngày 30/6/2022 anh C còn yêu cầu ông T trả lãi suất đối với khoản tiền ông C đã chuyển cho ông T vay là 79.680.000 đồng. Đến ngày 19/10.2022 anh C có đơn xin rút một phần yêu cầu, không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay là 79.680.000 đồng đối với khoản vay 200.000.000 đồng. Xét thấy việc anh C xin rút một phần không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 200.000.000 đồng là tự nguyện và có căn cứ. Do vậy HĐXX chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu của bị đơn (ông T): Ông T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh C khởi kiện ông T, ông T công nhận ông C có chuyển vào tài khoản của ông số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 28/5/2018, sau đó ông T đã dùng số tiền đó trừ vào tiền mua xe mang biển 27A - 01858 KIAMONIN mang tên Nguyễn Đăng T *“Vào năm 2015 anh C đang yêu con gái tôi, lúc đó anh C có hỏi mua xe ô tô của tôi là xe mang biển 27A - 01858 KIAMONIN mang tên Nguyễn Đăng T để chạy xe taxi, tôi cũng tin tưởng anh C nên tôi đã đồng ý, bán xe cho anh C, tôi nghĩ anh C sắp lấy con gái tôi nên tôi chưa lấy tiền ngay; tôi lấy xe ô tô để anh C đi chạy taxi trước, đến khi anh C cưới con gái tôi đến ngày 28/5/2018 anh C mới chuyển tiền 200.000.000 đồng trả tiền mua xe cho tôi”.* Ông T cho rằng ông C chuyển tiền cho ông T là để trả xe ô tô Giấy chuyển tiền cũng không thỏa thuận gì liên quan đến tiền vay và tiền lãi. Ông T không cung cấp được các chứng cứ chứng minh về việc

anh C và ông T đã thỏa thuận việc mua bán xe, ông T cung cấp chứng cứ và có yêu cầu Tòa án triệu tập những người làm chứng và có liên quan đến xe ô tô BKS 27A-01858 ông T đã bán cho anh C nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông T. Trong phiếu sang tên chuyển nhượng mang tên ông Nguyễn Đăng T chuyển sang cho Nguyễn T Anh ngày 13/01/2020, anh C không công nhận việc giữa anh C và ông T có thỏa thuận thanh toán tiền mua xe, tại phiên tòa ông T cho rằng việc ông C chuyển tiền vào tài khoản ông T có liên quan đến chị Oanh và bà H, tại đơn trình bày và đã được xã Thanh Yên, huyện Điện Biên xác nhận bà H đã sống ly thân ông T từ tháng 01/2018 đến năm 2020, 2021 bà H và ông T đã ly hôn, bà H không công nhận biết và được hưởng lợi từ khoản tiền anh C đã chuyển cho ông T ..., người làm chứng do ông T mời là ông Trần Trọng T cũng không biết việc vay tiền giữa ông T và anh C và việc mua bán xe ô tô BKS 27A-01858... Từ những chứng cứ trên không đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đăng T.

Đối với việc ông T yêu cầu anh C trả xe ô tô BKS 27A-01858 cho ông T, ông T có quyền yêu cầu giải quyết thành vụ án tranh chấp dân sự khác khi ông T có đủ cơ sở.

[4]. Ý kiến của VKS: Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] . Do có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy HĐXX áp dụng Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Đăng T phải chịu là 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5.2] Tiền tạm ứng án phí: Ông Trần Huy C không phải chịu án phí. Trả lại ông Trần Huy C số tiền là 6.992.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số: 0001961 ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 229; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 166, 280 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huy C;

Buộc ông Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Huy C 200.000.000 đồng tiền nợ gốc theo Lệnh thanh toán ngày 28/5/2018.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không trả cho anh C khoản tiền trên thì ông T còn phải trả cho ông C khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định khoản 2 tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu về việc ông C rút không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trên.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Đăng T phải chịu là 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Nguyễn Đăng T chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Tiền tạm ứng án phí: Trả lại ông Trần Huy C số tiền là 6.992.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số: 0001961 ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/02/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương Huyền

Nơi nhận:

- *VKSND TPĐBP;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS TPĐBP;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thương Huyền